

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 - BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2026/HNGĐ-ST

Ngày 26/01/2026

“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vương Tiến Chuẩn, ông Vũ Ngọc Côn .

- Thư ký phiên tòa: Bà La Thị Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Thành Đạt - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 318/2025/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 50/2025/QĐST – HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2025 giữa:

*** Nguyên đơn:** Anh Vũ Văn T, sinh ngày 27 tháng 7 năm 1990

Căn cước số: 02409017247 (vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: thôn L, xã K, tỉnh Bắc Ninh

*** Bị đơn:** Chị Hoàng Thị T1, sinh ngày 21 tháng 01 năm 1995

Căn cước công dân số: 024195006846 (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú cuối cùng của chị T1 tại Việt Nam: thôn L, xã K, tỉnh Bắc Ninh

Chị Hoàng Thị T1 hiện đang ở nước ngoài không rõ địa chỉ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và những lời khai tiếp theo nguyên đơn anh Vũ Văn T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Hoàng Thị T1 kết hôn với nhau vào năm 2012, việc kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện L, tỉnh Bắc Giang (nay là xã K, tỉnh Bắc Ninh). Sau khi kết hôn chị T1 về làm dâu và chung sống cùng với anh ngay. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc. Đến năm 2025 chị T1 sang Myanmar để lao động, từ đó anh và chị T1 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng xa cách, bất đồng quan điểm

sống, không có tiếng nói chung. Đến nay giữa anh và chị T1 đã mâu thuẫn trầm trọng, sống ly thân và không còn quan tâm gì tới nhau. Chị T1 không cho anh biết địa chỉ tại Myanmar, hai bên cũng không còn liên lạc gì với nhau nữa. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Hoàng Thị T1.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Vũ Hoàng K, sinh ngày 23/9/2012 và cháu Vũ Hoàng K1, sinh ngày 01/04/2016. Hiện các con chung đang ở cùng anh. Ly hôn anh xin được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung. Về cấp dưỡng nuôi con: anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

* *Tại biên bản lấy lời khai bị đơn là chị Hoàng Thị T1 trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị xác định thời gian kết hôn, đăng ký kết hôn và quá trình chung sống như anh Vũ Văn T trình bày là đúng. Năm 2019 anh T đi Nhật Bản lao động và có mối quan hệ với người phụ nữ khác khiến cho vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay không còn quan tâm gì đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn; anh T làm đơn xin ly hôn thì chị nhất trí ly hôn với anh T.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung như anh T trình bày. Hiện nay các con chung đang ở cùng anh T. Ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu K1 và đồng ý để anh T nuôi dưỡng cháu K. Về cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, công nợ chung: không đề nghị Tòa án giải quyết.

Hiện nay chị đi lao động ở nước ngoài mới về nước ngày 29/10/2025; hộ khẩu của chị vẫn ở thôn L, xã K, tỉnh Bắc Ninh.

* Tại phiên tòa, nguyên đơn là anh Vũ Văn T vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn chị Hoàng Thị T1 vắng mặt lần thứ hai mà không có lý do.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành quy định của pháp luật.

- Về nội dung:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Vũ Văn T được ly hôn chị Hoàng Thị T1.

2. Về con chung: Giao cho anh Vũ Văn T trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung là Vũ Hoàng K, sinh ngày 23/9/2012 và Vũ Hoàng K1, sinh ngày 01/04/2016.

- Về tài sản chung và công nợ chung: Không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về án phí: Anh Vũ Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Vũ Văn T có đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với chị Hoàng Thị T1. Bị đơn chị Hoàng Thị T1 có hộ khẩu tại thôn L, xã K, tỉnh Bắc Ninh và hiện đang ở nước ngoài không có địa chỉ cụ thể. Căn cứ công văn số: 1540/QLXNC ngày 03/11/2025 của Phòng quản lý xuất nhập cảnh - Công an tỉnh B thì chị Hoàng Thị T1 đã xuất cảnh ra nước ngoài ngày 23/03/2025, hiện có thông tin nhập cảnh về nước ngày 29/10/2025. Đây là vụ án “tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân Khu vực 5 - Bắc Ninh thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân khu vực 5 - Bắc Ninh đã thụ lý, giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục tố tụng dân sự pháp luật đã quy định. Tòa án đã tiến hành làm việc với chị T1 trong thời gian về Việt Nam nhưng chị T1 không cung cấp cho Tòa án biết địa chỉ ở nước ngoài. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung và thực hiện niêm yết tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng cho chị T1 theo quy định tại khoản 5 Điều 177; Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa nguyên đơn anh Vũ Văn T vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn chị Hoàng Thị T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai mà không có lý do. Vì vậy, HĐXX tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Vũ Văn T và chị Hoàng Thị T1 kết hôn với nhau vào ngày 02/5/2012 tại UBND xã K, huyện L, tỉnh Bắc Giang (nay là xã K, tỉnh Bắc Ninh). Việc kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, phù hợp với quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Do đó quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị T1 là hợp pháp.

Về tình trạng hôn nhân, Hội đồng xét xử xét thấy rằng: Lời khai của anh Vũ Văn T và chị Hoàng Thị T1 đều xác định vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn và đã có khoảng thời gian sống ly thân; không còn quan tâm, chăm sóc cho nhau.

Đối với yêu cầu xin ly hôn của anh Vũ Văn T và ý kiến của chị Hoàng Thị T1 đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử thấy rằng, trong thời gian sống chung vợ chồng không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ về nhân thân; không thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ mọi việc; không giữ gìn, bảo vệ hạnh phúc gia đình. Anh T, chị T1 đã mâu thuẫn trầm trọng và có khoảng thời gian dài sống ly thân, không quan tâm, chăm sóc gì cho nhau. Việc này trái với các quy định tại các điều 19, 21 luật Hôn nhân gia đình năm 2014. Từ những phân tích trên, căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và Điều 4 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn về căn cứ cho ly hôn thì thấy rằng: Tình trạng hôn nhân của vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn

của anh Vũ Văn T đối với chị Hoàng Thị T1.

[5]. Về con chung: Anh Vũ Văn T và chị Hoàng Thị T1 có 02 con chung là cháu Vũ Hoàng K, sinh ngày 23/9/2012 và cháu Vũ Hoàng K1, sinh ngày 01/04/2016. Ly hôn anh T xin được nuôi dưỡng cả hai con chung; chị T1 xin được nuôi dưỡng cháu K1, để anh T nuôi dưỡng cháu K.

HĐXX xét thấy: Hiện nay cháu K, cháu K1 đang do anh T nuôi dưỡng và đều có nguyện vọng xin được ở cùng với anh T. Chị T1 hiện đang sinh sống và lao động tại nước ngoài không rõ địa chỉ. Vì vậy, để đảm bảo cho con chung được phát triển tốt về mọi mặt nên cần giao cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: anh T không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn chị Hoàng Thị T1 có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở chị T1 thực hiện quyền này.

Anh Vũ Văn T, chị Hoàng Thị T1 có quyền làm đơn đề nghị giải quyết vụ án thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[6]. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Anh Vũ Văn T, chị Hoàng Thị T1 không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[7]. Về án phí: Anh Vũ Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016.

[8]. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 1, 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, khoản 2 Điều 123 và Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự, được sửa đổi bổ sung năm 2025; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Vũ Văn T được ly hôn chị Hoàng Thị T1.

2. Về con chung: Giao cho anh Vũ Văn T trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung là Vũ Hoàng K, sinh ngày 23/9/2012 và Vũ Hoàng K1, sinh ngày 01/04/2016.

Sau khi ly hôn chị Hoàng Thị T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở chị T1 thực hiện quyền này.

Anh Vũ Văn T, chị Hoàng Thị T1 có quyền làm đơn đề nghị giải quyết vụ án thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản: Anh Vũ Văn T, chị Hoàng Thị T1 không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Anh Vũ Văn T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002324 ngày 23 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh. Xác nhận anh Vũ Văn T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

- Nguyên đơn anh Vũ Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật.

- Bị đơn chị Hoàng Thị T1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng (30 ngày) kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Án xử công khai sơ thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND khu vực 5 - Bắc Ninh;
- THADS tỉnh Bắc Ninh (Phòng THADS Khu vực 5 – Bắc Ninh);
- Cổng thông tin điện tử TANDTC;
- UBND xã Kiên Lao, tỉnh Bắc Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

Nguyễn Văn Sang